

NHỮNG THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ VIỆC MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN **IMPORTANT INFORMATION ON OPENING AND USE OF CAPITAL ACCOUNT**

Kính gửi Quý Khách Hàng,

Dear Valued Customers,

Cảm ơn Quý Khách đã tin tưởng và sử dụng dịch vụ của Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (sau đây được gọi là “Ngân Hàng”). Tại Ngân Hàng, một trong những nguyên tắc của chúng tôi là Quý Khách luôn được cập nhật về các điều kiện, điều khoản liên quan đến dịch vụ Tài Khoản mà Quý Khách quan tâm

Thank you for your entrusting and banking with Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited (the ‘Bank’). At the Bank, we work to ensure that Customers are kept well informed of the terms and conditions relating to products and services of their interest.

Việc mở và sử dụng Tài Khoản Vốn phải tuân theo các quy định và các văn bản hiện hành về việc mở và sử dụng Tài Khoản Vốn trên lãnh thổ Việt Nam.

Opening and use of Capital Account shall comply with applicable regulations related to the opening and use of Capital Account within the territory of Vietnam.

Những thông tin dưới đây được trích dẫn từ các văn bản hiện hành về việc mở và sử dụng Tài Khoản Vốn trên lãnh thổ Việt Nam, và có thể được sửa đổi tùy từng thời điểm để đáp ứng yêu cầu thay đổi pháp lý.

The following information is cited from regulations related to the opening and use of Capital Account within the territory of Vietnam, and may be amended upon regulatory change from time to time.

I. Tài khoản vay, trả nợ nước ngoài / Offshore loan account

Trong trường hợp Bên đi vay là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đối với khoản vay trung, dài hạn nước ngoài, thì tài khoản vay, trả nợ nước ngoài là tài khoản vốn đầu tư trực tiếp; đối với khoản vay ngắn hạn nước ngoài thì bên đi vay có thể sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hoặc tài khoản vay, trả nợ nước ngoài khác để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến khoản vay nước ngoài. Mỗi khoản vay ngắn hạn nước ngoài chỉ được thực hiện thông qua 01 (một) ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản. Bên đi vay có thể dùng 01 (một) tài khoản cho 01 (một) hoặc nhiều khoản vay nước ngoài ngắn hạn.

In case borrower is a foreign direct investment enterprise, for medium-term and long-term offshore loans, offshore loan account shall be Direct Investment Capital Account (“DICA”); for short term offshore loan, the borrower can use DICA or offshore loans account (as distinct from DICA) to process receipts and payment related to offshore loans. Each short-term offshore loan shall only be processed through 01 (one) bank that provides account services. Borrowers can use 01 (one) account for 01 (one) or various short-term offshore loans.

Trong trường hợp Bên đi vay không phải là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, doanh nghiệp đó phải mở tài khoản vay, trả nợ nước ngoài tại ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản để thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản vay nước ngoài (rút vốn, trả nợ gốc, nợ lãi). Mỗi khoản vay nước ngoài chỉ được thực hiện qua 01 (một) ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản, và Bên đi vay có thể dùng 01 (một) tài khoản cho 01 (một) hoặc nhiều khoản vay nước ngoài.

In case the borrower is not a directly foreign-invested enterprise, an offshore loan account must be opened at the bank being an account service provider in order to perform transactions relating to offshore loan (including fund withdrawal, principal and interest payment). Each

offshore loan shall be allowed to open its account at only 01 (one) bank that provides account services, and the borrower may use 01 (one) account for 01 (one) or multiple offshore loans.

Các giao dịch này cần có nội dung thanh toán rõ ràng vì mục đích hạch toán, theo dõi và kiểm tra chứng từ của Ngân hàng. Nếu giao dịch không có nội dung thanh toán hoặc nội dung thanh toán không rõ ràng, việc hạch toán giao dịch có thể bị chậm trễ do việc Ngân hàng cần phải liên hệ với khách hàng để làm rõ nội dung thanh toán.

These transactions must have clear remittance narration for the purpose of reconciliation and management of the Bank. The unavailable or unclear remittance narrations could lead to a delay in processing the transaction as the Bank may have to contact customer for clarification.

Tất cả các khoản vay nước ngoài trung và dài hạn, khoản vay nước ngoài ngắn hạn được gia hạn mà tổng thời hạn của khoản vay trên 01 năm, khoản vay nước ngoài ngắn hạn không có hợp đồng gia hạn nhưng còn dư nợ tại thời điểm tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, trừ trường hợp doanh nghiệp hoàn thành việc trả nợ khoản vay trong thời gian 10 ngày kể từ thời điểm tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên phải đăng ký với Ngân Hàng Nhà Nước trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký thoả thuận vay nước ngoài hoặc ngày tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên.

All medium and long term offshore loans, short term loan extended in which total loan tenor is over 01 year, short term loan without extension and having outstandings at the time of 1 year from the first disbursement date, except if the borrowers fulfill their repayment within 10 days at the time 01 year from disbursement date must be registered with the SBV within 30 days since the date of signed lending agreement or since 1 year from the date of first drawdown.

Trong trường hợp có bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến khoản vay đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước thì doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước và xin xác nhận thay đổi trong thời hạn 30 kể từ ngày có thay đổi và trước khi thay đổi có hiệu lực trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Thông tư 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016, hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

Any amendments made to the loan must be registered with SBV within 30 days since the date of amendments and before the change becomes effective except for cases regulated by Clause 2 and Clause 3 Article 15 of Circular 03/2016/TT-NHNN dated 26 February 2016 providing several instructions on foreign exchange administration in respect of enterprise's foreign borrowing and foreign debt repayment of enterprises.

Để biết thêm chi tiết, đề nghị quý Doanh nghiệp tham khảo Thông tư 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016, hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 05/2016/TT-NHNN ngày 15/4/2016 và Thông tư 05/2017/TT-NHNN ngày 30/6/2017, và các văn bản có liên quan.

For more information, please refer to Circular 03/2016/TT-NHNN dated 26 February 2016 providing several instructions on foreign exchange administration in respect of enterprise's foreign borrowing and foreign debt repayment of enterprises, amended and supplemented by Circular 05/2016/TT-NHNN dated 15 April 2016 and Circular 05/2017/TT-NHNN dated 30 June 2017, and other relevant regulations.

II. Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam / *Capital account for foreign direct investment into Vietnam*

Nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam được thực hiện góp vốn đầu tư bằng ngoại tệ, đồng Việt Nam theo mức vốn góp của nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thành lập và hoạt động theo pháp luật chuyên ngành), Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, Hợp đồng PPP đã ký kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc tài liệu khác chứng minh việc góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật. Người cư trú là nhà đầu tư Việt Nam được góp vốn đầu tư bằng nguồn ngoại tệ tự có. Việc góp vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam phải được thực hiện thông

qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản vốn đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Foreign and Vietnamese investors are allowed to contribute capital in foreign currencies and Vietnamese dong in accordance with registered amount in the investment registration certificate, notice of the foreign investor's eligibility to contribute capital or purchase shares/stakes, license of establishment and operation in accordance with specialized law, signing of PPP contracts with competent authorities and other documents which can prove the compliance with law of capital contribution of foreign investors. Residents that are Vietnamese investors are allowed to contribute capital with their own sources of personal foreign currency. The capital contribution by foreign or Vietnamese investors must be transferred to the direct investment account of the relevant FDI enterprise.

Đối tượng được phép mở:

Eligibility:

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài bao gồm:

FDI enterprises include

- Doanh nghiệp được thành lập theo hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, trong đó có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông và phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

Enterprises that are established in the form of investment for establishment of economic entities whose foreign investor is a member or shareholder and who are required to follow the procedures for issuance of investment registration certificate in accordance with laws and regulations on investment;

- Doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định nêu trên nhưng có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp, bao gồm:

The enterprises that are not prescribed in the above point with 51% or more of charter capital held by a foreign investor, including:

- ✓ Doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp (hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc không có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài) dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp;

An enterprise with a foreign investor contributing capital, buying shares where the capital contributed to the enterprise (operating in either conditional or unconditional business lines as applicable to foreign investors) leads to the foreign investor holding 51% or more of charter capital of the enterprise;

- ✓ Doanh nghiệp được thành lập sau khi chia tách, sáp nhập, hợp nhất dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp;

An enterprise being established after split, merger, consolidation which leads to the foreign investor holding 51% or more of charter capital of the enterprise;

- ✓ Doanh nghiệp được thành lập mới theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

Newly established enterprises in accordance with specialized laws;

- Doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư.

A project enterprise that is established by a foreign investor for the purpose of a PPP project in accordance with laws and regulations on investment

- Nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án

Foreign investors participate in BCC or directly implement PPP projects without establishing project enterprises

Mục đích: Tài khoản vốn cho việc đầu tư trực tiếp vào Việt Nam được mở tại một tổ chức tín dụng được phép bằng Việt Nam đồng hoặc ngoại tệ được sử dụng cho các mục đích sau:

Purposes: A capital account for direct investment into Vietnam opened with an authorized credit institution, either in local or foreign currency which will be used to perform the following transactions:

A. Sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ / Use of foreign currency of direct investment capital account

1. Các giao dịch thu / Receipt:

- a. Thu chuyển khoản tiền góp vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP;

Receipt of transfer of foreign direct investment capital contribution in foreign currency from foreign investors, Vietnamese investors in FDI enterprises, foreign investors participating in BCC contracts, foreign investors directly performing PPP projects;

- b. Thu chuyển khoản tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư;

Receipt of transfer of payment of investment capital, investment projects;

- c. Thu chuyển khoản ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng được phép để chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài;

Receipt of transfer of foreign currency bought from authorized credit institutions to remit capital, profits and legal incomes abroad;

- d. Thu chuyển khoản từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép của chính doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP để chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài;

Receipt of transfer from a foreign currency payment account opened at an authorized bank of the foreign direct investment enterprise, a foreign investor participating in a BCC contract or a foreign investor directly performing a PPP project for the purpose of offshore remittance of capital, profit and legal income to the foreign investor;

- e. Thu chuyển đổi ngoại tệ để thực hiện góp vốn đầu tư trong trường hợp đồng tiền góp vốn khác với đồng tiền của tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở;

Receipt of foreign currency conversion for making investment capital contribution in case where the currency of capital contribution is different from the currency of the opened direct investment capital account.

- f. Thu chuyển khoản tiền thặng dư vốn cổ phần từ việc phát hành thêm cổ phần mới để tăng vốn điều lệ tại doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

Receipt of transfer of share capital surplus from the issuance of new shares to increase charter capital in the foreign direct investment enterprise;

- g. Thu chuyển khoản ngoại tệ thu được từ doanh thu bán sản phẩm dầu khí trong nước (sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và trừ đi các chi phí bằng đồng Việt Nam) theo quy định của pháp luật về dầu khí và Thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ (nếu có);

Receipts of transfers of foreign currency received from the sales of domestic petroleum products (after fulfilling all financial obligations and subtracting the costs in Vietnam dong) in accordance with laws and regulations on oil and gas and the Guarantee agreement and commitments of the Government (if any);

- h. Các khoản thu chuyển khoản liên quan đến khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy định của pháp luật về vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 06/2019/TT-NHNN;

Receipts of transfers related to foreign loans of foreign direct investment enterprises in accordance with laws and regulations on foreign loans and debt repayment of the enterprises, except for the cases as prescribed in Clause 3 Article 5 of Circular 06/2019/TT-NHNN;

- i. Các khoản thu hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Other legal receipts in foreign currency related to the foreign direct investment in Vietnam.

2. Các giao dịch chi / Payment:

- a. Chi chuyển khoản sang tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép của chính doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP, người điều hành dự án dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam;

Transfer to the foreign currency payment account opened at an authorized bank by the foreign direct investment enterprise, the foreign investor participating in a BCC contract, the foreign investor directly performing a PPP project, the manager of a petroleum project under the laws and regulations on petroleum to perform foreign direct investment activities in Vietnam;

- b. Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép để chuyển vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của chính doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP;

Expense for selling foreign currency to an authorized credit institution to transfer to Vietnamese dong payment account of the foreign direct investment enterprise, the foreign investor participating in a BCC contract, foreign investor directly performing a PPP project;

- c. Chi chuyển khoản tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư cho bên chuyển nhượng ở nước ngoài hoặc chi bán ngoại tệ để thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư cho bên chuyển nhượng tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam;

Transfer of payment of the transfer of investment capital, investment project to the offshore transferor or expense for the sale of foreign currency for payment of the transfer of investment capital or investment project to the transferor in Vietnam in Vietnam dong;

- d. Chi chuyển khoản lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp bằng ngoại tệ từ hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài ra nước ngoài;

Payment for offshore remittance of profit and legal incomes in foreign currency from the foreign direct investment in Vietnam by the foreign investor;

- e. Chi chuyển khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài ra nước ngoài trong trường hợp giảm vốn đầu tư, kết thúc, thanh lý, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, hợp đồng BCC, hợp đồng PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư;

Payment for offshore remittance of the direct investment capital in foreign currency by the foreign investor in case of investment capital reduction, finish, liquidation or termination of the investment project, BCC contract or PPP contract in accordance with laws and regulations on investment;

- f. Chi chuyển đổi ngoại tệ để thực hiện chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong trường hợp đồng tiền chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài khác với đồng tiền của tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở;

Payment for foreign currency conversion to carry out the transfer of capital, profits and lawful revenue sources from offshore direct investment activities in cases where the money transferred from capital, profits and lawful revenues to foreign countries are different from the currency of the direct investment account opened;

- g. Các khoản chi chuyển khoản liên quan đến khoản vay nước ngoài bằng ngoại tệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy định của pháp luật về vay, trả nợ nước

ngoài của doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 06/2019/TT-NHNN;

Expenses for transfer of funds related to foreign loans in foreign currency of foreign direct investment enterprises in accordance with laws and regulations on foreign loans and debt repayment by enterprises, except for cases as prescribed in Clause 3 Article 5 of Circular 06/2019/TT-NHNN;

- h. Các khoản chi hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Other legal receipts paid in foreign currency regarding the foreign direct investment activities in Vietnam.

B. Sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam / Use of Vietnamese dong accounts of direct investment

1. Các giao dịch thu / Receipt:

- a. Thu chuyển khoản tiền góp vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP;

Receipt of transfer of foreign direct investment capital contribution in Vietnam dong from foreign investors, Vietnamese investors in foreign direct investment enterprises, foreign investors participating in BCC contracts, foreign investors directly performing PPP projects;

- b. Thu chuyển khoản tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư;

Receipt of transfer of payment of investment capital, investment projects;

- c. Thu chuyển khoản lợi nhuận được chia bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP để thực hiện tăng vốn, mở rộng hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Receipt of transfer of distributed profits in Vietnam dong of foreign investors, Vietnamese investors in foreign direct investment enterprises, foreign investors participating in BCC contracts, foreign investors directly performing PPP projects for the purpose of increasing capital, expanding the investment in Vietnam;

- d. Thu chuyển khoản từ tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của chính doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP để chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài;

Receipt of transfer from a VND payment account of the foreign direct investment enterprise, a foreign investor participating in a BCC contract or a foreign investor directly performing a PPP project for the purpose of offshore remittance of capital, profit and legal income to the foreign investor;

- e. Thu chuyển khoản tiền thặng dư vốn cổ phần từ việc phát hành thêm cổ phần mới để tăng vốn điều lệ tại doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

Receipt of transfer of share capital surplus from the issuance of new shares to increase charter capital in the foreign direct investment enterprise;

- f. Các khoản thu chuyển khoản liên quan đến khoản vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được phép vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật về vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

Receipts of transfers related to foreign loans in Vietnam dong of foreign direct investment enterprises who are permitted to take foreign loans in Vietnam dong in accordance with laws and regulations on foreign loans and debt repayment of the enterprises;

- g. Các khoản thu hợp pháp khác bằng đồng Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Other legal receipts in Vietnam dong related to the foreign direct investment in Vietnam.

2. Các giao dịch chi / Payment:

- a. Chi chuyển khoản sang tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam mở tại ngân hàng được phép của chính doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP, người điều hành dự án dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam;

Transfer to VND payment account opened at an authorized bank by the foreign direct investment enterprise, the foreign investor participating in a BCC contract, the foreign investor directly performing a PPP project, the manager of a petroleum project under the laws and regulations on petroleum to perform foreign direct investment activities in Vietnam.

- b. Chi chuyển khoản tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư cho bên chuyển nhượng tại Việt Nam hoặc chi mua ngoại tệ để thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư cho bên chuyển nhượng ở nước ngoài;

Transfer of payment of the transfer of investment capital, investment project to the transferor in Vietnam or expense for the purchase of foreign currency for payment of the transfer of investment capital or investment project to the offshore transferor;

- c. Chi mua ngoại tệ chuyển khoản để chuyển lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam cho nhà đầu tư nước ngoài ra nước ngoài;

Payment for purchase of foreign currency for transfer to offshore remit profits and legal incomes in Vietnam dong to foreign investors;

- d. Chi chuyển khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam cho nhà đầu tư Việt Nam hoặc chi mua ngoại tệ để chuyển vốn đầu tư trực tiếp cho nhà đầu tư nước ngoài ra nước ngoài trong trường hợp giảm vốn đầu tư, kết thúc, thanh lý, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, hợp đồng BCC, hợp đồng PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư;

Payment for transfer of direct investment capital in Vietnam dong to Vietnamese investors or payment for purchase of foreign currency to offshore remit direct investment capital to foreign investors in case of investment capital reduction, finish, liquidation or termination of the investment project, BCC contract or PPP contract in accordance with laws and regulations on investment;

- e. Các khoản chi chuyển khoản liên quan đến khoản vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được phép vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật về vay, trả nợ nước ngoài;

Expenses for transfers related to foreign loans in Vietnam dong of foreign direct investment enterprises who are permitted to take foreign loans in Vietnam dong in accordance with laws and regulations on foreign loans and debt repayment by enterprises;

- f. Các khoản chi hợp pháp khác bằng đồng Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Other legal payments in Vietnam dong related to foreign direct investment activities in Vietnam.

Để biết thêm chi tiết, đề nghị quý khách tham khảo Thông tư 06/2019/TT-NHNN ngày 06/09/2019 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và các văn bản có liên quan.

For more information, please refer to Circular 06/2019/TT-NHNN dated 06/09/2019 guiding the foreign exchange management for foreign Direct Investment in Vietnam and other relevant regulations.

III. Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng tiền đồng Việt Nam / Indirect Investment Capital Account in VND

- i. Đối tượng được phép mở: nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (gồm người không cư trú là tổ chức và cá nhân nước ngoài) thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam

Eligibility: Foreign investors are nonresident foreign organizations and individuals conducting indirect investment activities in Vietnam

- ii. Mục đích sử dụng: Nhà đầu tư nước ngoài chỉ được mở 01 tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại 01 ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng tiền đồng Việt Nam chỉ được sử dụng để thực hiện các loại giao dịch sau :

Purposes: foreign investor can open 01 Indirect Investment Capital Account at an authorized credit institution to perform transactions relating to indirect investment activities in Vietnam. Indirect investment capital account can be used for the following transactions:

1. Các giao dịch thu / Receipts:

- a. Thu từ bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép

Receipts from selling foreign currencies to licensed credit institutions;

- b. Thu từ chuyển nhượng vốn góp, cổ phần, bán chứng khoán và các giấy tờ có giá khác, nhận cổ tức, lãi từ trái phiếu và giấy tờ có giá phát sinh bằng đồng Việt Nam từ hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Receipts from transfer of contributed capital, shares, sale of securities and other valuable papers, receipt of dividends and interests from bonds and valuable papers in VND from foreign indirect investment activities in Vietnam;

- c. Thu chuyển khoản từ tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép;

Receipts of transfer from payment accounts in VND of foreign investors opened at authorized banks;

- d. Thu chuyển khoản từ tài khoản của công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện nghiệp vụ ủy thác đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài (áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư gián tiếp tại Việt Nam dưới hình thức ủy thác đầu tư);

Receipts of transfer from accounts of fund management enterprises, securities companies, credit institutions and branches of foreign banks permitted to conduct investment trust operation for foreign investor (applied in cases that foreign investors conduct indirect investment in Vietnam under the form of investment trust);

- e. Các giao dịch thu hợp pháp khác bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

Other legal transactions of receipts in VND of foreign investors relating to foreign indirect investment activities in Vietnam.

2. Các giao dịch chi / Payments:

- a. Chi thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Payments for implementation of foreign indirect investment activities in Vietnam;

- b. Chi mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép để chuyển vốn, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài;

Payments for buying foreign currencies from licensed credit institutions in order to transfer capitals, interests and other lawful incomes to foreign countries;

- c. Chi thanh toán các chi phí hợp pháp phát sinh tại Việt Nam;

Payments for legal expenses incurred in Vietnam;

- d. Chi chuyển sang tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép;

Payments for transfer to payment accounts in VND of foreign investors opened at authorised banks;

- e. Chi chuyển khoản sang tài khoản của các công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán và các tổ chức được phép thực hiện nghiệp vụ ủy thác đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài (áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư gián tiếp tại Việt Nam dưới hình thức ủy thác đầu tư);

Payments for transfer to accounts of fund management enterprises, securities companies, and organizations permitted to conduct investment trust operation for foreign investor (applied in cases that foreign investors conduct indirect investment in Vietnam under the form of investment trust);

- f. Các giao dịch chi hợp pháp khác liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

Other transactions for lawful payments relating to foreign indirect investment activities in Vietnam.

Để biết thêm chi tiết, đề nghị quý khách tham khảo Thông tư 05/2014/TT-NHNN ngày 12/03/2014 hướng dẫn về mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản có liên quan.

For more information, please refer to Circular 05/2014/TT-NHNN dated 12/03/2014 guiding the opening and use of indirect investment capital account for implementation of foreign indirect investment activities in Vietnam and other relevant regulations.

IV. Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài bằng ngoại tệ/ *Capital account in foreign currency for overseas investment*

Các giao dịch đầu tư trực tiếp ra nước ngoài phải thực hiện qua tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài. Quý khách phải đăng ký tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận trước khi chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.

Transactions related to overseas investment should be routed via overseas investment capital account. The overseas investment capital account should be registered with and be certified by the SBV before the funds are remitted abroad.

- i. Đối tượng được phép mở: Nhà đầu tư gồm: Tổ chức kinh tế thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Hợp tác xã; Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng; Hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật, cá nhân mang quốc tịch Việt Nam; các tổ chức khác thực hiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam được phép đầu tư ra nước ngoài. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư phải mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư tại một tổ chức tín dụng được phép và thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

Eligibility: The investor includes Economic organizations which are established and operated under the Law on Enterprise; Cooperatives and unions of cooperatives which are established and operated as prescribed in the Law on Cooperatives; Credit institutions which are established and operated under the Law on Credit Institutions; Business households and individuals of Vietnamese nationality; Other organizations that carry out investment and business under laws of Vietnam being organizations, individuals who are permitted to invest abroad in form of direct investment. After having License for abroad investment, the investor must open 01 overseas investment capital account at an authorized credit institution and register with the State Bank of Vietnam of provincial level.

- ii. Mục đích sử dụng: tài khoản vốn ngoại tệ đầu tư ra nước ngoài chỉ được sử dụng để thực hiện các loại giao dịch sau:

Purposes: The foreign currency capital account for overseas investment capital will be used to perform the following transactions:

A. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ/ *Receipts and payments made on investment capital account in foreign currency*

1. Các giao dịch thu / *Receipts:*

a) Thu chuyển khoản từ tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư/ *Receive money transferred from other foreign currency accounts of the investor;*

b) Thu ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng được phép phù hợp với quy định của pháp luật/ *Receive foreign currency purchased from licensed credit institutions in compliance with the law;*

c) Thu lợi nhuận và các thu nhập hợp pháp chuyển về nước từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài/ *Receive profits and legal incomes that are accrued from the outward investment activities and transferred to Vietnam;*

d) Thu chuyển vốn đầu tư về Việt Nam trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn đầu tư, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư ở nước ngoài/ *Transfer investment capital to Vietnam in case of transfer of investment capital abroad, reduction of investment capital or termination of outward investment activities;*

đ) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay của nhà đầu tư đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật/ *Receive the principal and interest of loans provided by the investor to the legal entity that executes the investment project in foreign country in compliance with regulations and laws;*

e) Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật/ *Receive debts from the principal debtor in connection with loans provided to the legal entity that executes the investment project in foreign country with the investor's guarantee in compliance with regulations and laws;*

g) Các giao dịch thu khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài/ *Other receipts related to outward investment activities.*

2. Các giao dịch chi/ *Payments:*

a) Chi chuyển khoản vốn đầu tư ra nước ngoài/ *Transfer investment capital to foreign countries;*

b) Chi cho vay đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam/ *Provide loans to the legal entity that executes the investment project in foreign country in compliance with regulations and laws of Vietnam;*

c) Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam/ *Make payments for fulfilling the investor's guarantee obligations related to loans provided to the legal entity that executes the investment project in foreign country with the investor's guarantee in compliance with regulations and laws of Vietnam;*

d) Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép/ *Sell foreign currency to licensed credit institutions;*

đ) Chi chuyển khoản vào tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư/ *Transfer money to other foreign currency accounts of the investor;*

e) Các giao dịch chi khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài/ *Other payments related to outward investment activities.*

B. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư bằng VND/ *Receipts and payments made on investment capital account in VND*

1. Các giao dịch thu / *Receipts:*

a) Thu chuyển khoản từ tài khoản đồng Việt Nam của nhà đầu tư/ *Receive money transferred from other VND accounts of the investor;*

b) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay của nhà đầu tư đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật/ *Receive the principal*

and interest of loans provided by the investor to the legal entity that executes the investment project in foreign country in compliance with regulations and laws;

c) Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật/
Receive debts from the principal debtor in connection with loans provided to the legal entity that executes the investment project in foreign country with the investor's guarantee in compliance with regulations and laws;

d) Thu lợi nhuận và thu nhập hợp pháp chuyển về nước từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài/
Receive profits and legal incomes that are accrued from the outward investment activities and transferred to Vietnam;

đ) Thu chuyển vốn đầu tư ở nước ngoài về Việt Nam trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư ở nước ngoài/
Transfer investment capital abroad to Vietnam in case of transfer of investment capital abroad, reduction of investment capital or termination of outward investment activities;

e) Các giao dịch thu khác bằng đồng Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài/
Other payments made in VND related to outward investment activities.

2. Các giao dịch chi/ Payments:

a) Chi chuyển khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam ra nước ngoài/
Transfer investment capital in VND to foreign countries;

b) Chi chuyển vào tài khoản đồng Việt Nam của nhà đầu tư/
Transfer money to other VND accounts of the investor;

c) Chi cho vay đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam/
Provide loans to the legal entity that executes the investment project in foreign country in compliance with regulations and laws of Vietnam;

d) Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam/
Make payments for fulfilling the investor's guarantee obligations related to loans provided to the legal entity that executes the investment project in foreign country with the investor's guarantee in compliance with regulations and laws of Vietnam;

đ) Các giao dịch chi khác bằng đồng Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài/
Other payments made in VND related to outward investment activities.

Để biết thêm chi tiết, đề nghị quý khách tham khảo Thông tư 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 31/2018/TT-NHNN và các văn bản có liên quan.

For more information, please refer to Circular 12/2016/TT-NHNN dated 29/6/2016 guiding foreign exchange management for outward investment, amended and supplemented by Circular 31/2018/TT-NHNN and other relevant regulations.

Xin vui lòng lưu ý rằng Quý Khách có trách nhiệm đọc kỹ và hiểu rõ **NHỮNG THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ VIỆC MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN** này cũng như mọi điều kiện và điều khoản bất kỳ quy định tại các thỏa thuận khác liên quan đến tài khoản của quý khách hàng tại Ngân Hàng và tại bất kỳ Chi Nhánh nào của Ngân Hàng và/hoặc trên trang chủ của Ngân Hàng.

*Please kindly be noted that you are responsible for reading and understanding thoroughly this **MOST IMPORTANT INFORMATION ON THE OPENING AND USE OF CAPITAL ACCOUNT** as well as the terms and conditions as agreed on your accounts at the Bank and any the Bank's branches and/or on the Bank's website.*

Trân trọng,

Yours sincerely,

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited